

Số: /QĐ-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên
đại học hình thức Vừa làm vừa học năm 2025 đợt 2 (bổ sung)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-ĐHBK ngày 19/06/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo xét tốt nghiệp năm 2025 (đợt 2) bổ sung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho 147 sinh viên đại học (đính kèm danh sách tốt nghiệp).

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng Phòng Đào tạo, các Khoa quản lý sinh viên, Giám đốc Trung tâm đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thiên Phúc

BẢNG THỐNG KÊ SINH VIÊN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỮA LÀM VỮA HỌC TỐT NGHIỆP NĂM 2025 ĐỢT 2 (bổ sung)

(Đính kèm quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ký ngày / /2025)

Stt	Ngành đào tạo	Khóa 2021 tại Trường					Khóa 2022 Liên kết đào tạo					Các khóa trước				Tổng	
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB-Khá	TB	Tên đơn vị liên kết	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB-Khá	TB	Giỏi	Khá	TB-Khá		TB
1	Cơ kỹ thuật														2		2
2	Công nghệ dệt, may			1										1			2
3	Kỹ thuật Cơ điện tử														1		1
4	Kỹ thuật cơ điện tử				1									1	1		3
5	Kỹ thuật cơ khí			1			Tr.CĐ KT Cao Thắng			1				2	7		11
6	Kỹ thuật dệt													2			2
7	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp			1													1
8	Kỹ thuật nhiệt			1			Tr.CĐ KT Cao Thắng		2	1				1			5
9	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng			2													2
10	Kỹ thuật dầu khí		1	1											3		5
11	Kỹ thuật địa chất													1	1		2
12	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa													2			2
13	Kỹ thuật điện		1	5		3	Tr.CĐ KT Cao Thắng			1				4	12	1	27
14	Kỹ thuật điện tử - viễn thông													1	3		4
15	Khoa học Máy tính			1									1	1	1		4
16	Kỹ thuật Máy tính														2		2
17	Công nghệ sinh học														1		1
18	Kỹ thuật hóa học			1										1	1		3
19	Quản lý công nghiệp			1													1
20	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng													1	2		3
21	Kiến trúc													1	1		2
22	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng														1		1
23	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông													1	2		3
24	Kỹ thuật xây dựng	1	1	2	2								1	5	8		20
25	Kỹ thuật xây dựng công trình biển														3		3
26	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông														3		3
27	Kỹ thuật môi trường			2											2		4
28	Quản lý tài nguyên và môi trường				1										1		2
29	Bảo dưỡng Công nghiệp													6	5		11
30	Kỹ thuật ô tô						Tr.CĐ KT Cao Thắng		3	4				1			8
31	Kỹ thuật tàu thủy													1	1		2
32	Kỹ thuật vật liệu													1	4		5
	Tổng	1	3	19	4	3			5	7			2	34	68	1	
	Tổng cộng	30						12					105				147

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG NĂM 2025 ĐỢT 2 (bổ sung)

(Đính kèm quyết định số: /QĐ-ĐHBK, ký ngày / /2025)

Stt	Họ và tên		Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Khoa Khoa học Ứng dụng											
1	Trương Gia	Khiêm	1812631	14/03/2000	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	6.88	TB-Khá	TOEIC 580	Cơ kỹ thuật	
2	Huỳnh Tấn	Lợi	1511876	30/10/1997	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	6.22	TB-Khá	TOEIC 425	Cơ kỹ thuật	
Khoa Cơ khí											
3	Diệp Thiên Nam	An	1912514	12/08/2000	Long An	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.00	Khá	TOEIC 510	Bảo dưỡng Công nghiệp	
4	Lâm Bình	An	1912520	02/09/2001	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	7.15	Khá	TOEIC 560	Kỹ thuật nhiệt	
5	Nguyễn Kiện	An	2247701	21/03/2001	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3.00	Khá	TOEIC 620	Kỹ thuật cơ khí	
6	Phan Lê Thành	An	1610016	18/12/1998	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	7.37	Khá	TOEIC 485	Kỹ thuật cơ khí	
7	Hoàng Gia	Bảo	2153199	09/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Đồng Nai	2.50	Khá	TOEIC 675	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
8	Phạm Tuấn	Bảo	1912691	15/04/2001	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Nông	7.02	Khá	TOEIC 565	Bảo dưỡng Công nghiệp	
9	Trần Nhất	Cường	1952607	17/04/2001	Bình Dương	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.86	TB-Khá	IELTS 6.5	Kỹ thuật cơ điện tử	
10	Phạm Bình Phương	Dung	2233162	10/06/1997	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3.10	Khá	TOEIC 655	Kỹ thuật nhiệt	
11	Bùi Chí	Dũng	2247517	16/09/1997	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	3.20	Giỏi	TOEIC 650	Kỹ thuật nhiệt	
12	Lê Việt	Dũng	1912953	26/08/2001	Nghệ An	Tỉnh Bình Dương	6.80	TB-Khá	TOEIC 580	Bảo dưỡng Công nghiệp	
13	Từ Ngọc Quốc	Đạt	1913083	18/03/2001	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6.94	TB-Khá	TOEIC 505	Bảo dưỡng Công nghiệp	
14	Nguyễn Hữu	Hậu	2154014	07/12/2003	Đồng Tháp	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.80	Khá	TOEIC 660	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
15	Võ Thái	Hòa	1913477	25/04/2001	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	7.18	Khá	TOEIC 660	Kỹ thuật dệt	
16	Lê Trường	Huy	1913520	10/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.78	TB-Khá	TOEIC 670	Bảo dưỡng Công nghiệp	
17	Nguyễn Công	Khánh	1812594	17/07/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.83	TB-Khá	TOEIC 725	Kỹ thuật cơ khí	
18	Lê Trung	Kiên	1913855	18/11/2001	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6.83	TB-Khá	TOEIC 540	Kỹ thuật cơ khí	
19	Trần Thị Kim	Loan	1913981	06/04/2001	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	7.54	Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật dệt	
20	Đoàn Đức	Mạnh	1914116	27/02/2001	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6.95	TB-Khá	TOEIC 525	Bảo dưỡng Công nghiệp	
21	Nguyễn Hồng	Mạnh	2033062	20/05/1997	Thanh Hóa	Tỉnh Gia Lai	7.05	Khá	TOEIC 510	Kỹ thuật cơ khí	
22	Trần Lê	Minh	2247559	19/02/2000	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.90	Khá	TOEIC 600	Kỹ thuật nhiệt	
23	Võ Tuấn	Minh	1914189	02/04/2001	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	7.60	Khá	TOEIC 560	Kỹ thuật cơ khí	
24	Nguyễn Hoàng	Nam	2233187	30/11/1999	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3.00	Khá	TOEIC 630	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	
25	Dương Trung	Nghĩa	1813219	28/07/2000	An Giang	Tỉnh An Giang	6.88	TB-Khá	TOEIC 450	Kỹ thuật cơ khí	
26	Mai Thị	Ngọc	2133084	02/09/1999	Thanh Hóa	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.36	Khá	TOEIC 515	Công nghệ dệt, may	
27	Trương Công	Nhật	1914496	03/11/2001	Bình Định	Tỉnh Bình Định	7.10	Khá	TOEIC 500	Bảo dưỡng Công nghiệp	
28	Lưu Gia	Phát	1914588	12/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Bến Tre	7.52	Khá	TOEIC 630	Kỹ thuật cơ điện tử	
29	Nguyễn Định	Phú	1914658	25/03/2001	Bình Định	Tỉnh Phú Yên	6.51	TB-Khá	TOEIC 565	Bảo dưỡng Công nghiệp	
30	Trương Tấn	Phước	2033669	14/06/1999	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	6.81	TB-Khá	TOEIC 500	Kỹ thuật cơ điện tử	
31	Nguyễn Như	Quốc	1911949	16/01/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.86	TB-Khá	TOEIC 560	Kỹ thuật cơ khí	
32	Đặng Ngọc	Sang	1914910	01/05/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.38	Khá	TOEIC 545	Bảo dưỡng Công nghiệp	
33	Trần Huỳnh Hoài	Thanh	2247590	27/12/2000	Bình Dương	Tỉnh Long An	3.40	Giỏi	TOEIC 655	Kỹ thuật nhiệt	
34	Nguyễn Tự	Tin	1513478	18/09/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	6.70	TB-Khá	TOEIC 665	Kỹ thuật cơ khí	

Stt	Họ và tên		Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
35	Nguyễn Thanh	Trà	1915596	21/04/2001	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6.69	TB-Khá	TOEIC 575	Kỹ thuật cơ khí	
36	Đoàn Tấn	Trung	1915680	21/03/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.30	Khá	TOEIC 535	Bảo dưỡng Công nghiệp	
37	Nguyễn Quốc	Tuấn	1915779	23/05/2001	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	7.04	Khá	TOEIC 555	Bảo dưỡng Công nghiệp	
38	Phạm Thành	Tuấn	1814618	12/04/1999	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	6.99	TB-Khá	TOEIC 560	Kỹ thuật Cơ điện tử	
39	Nguyễn Phúc	Vinh	1810661	26/03/2000	An Giang	Tỉnh An Giang	6.85	TB-Khá	TOEIC 540	Kỹ thuật cơ khí	
40	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	1916021	17/09/2001	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7.25	Khá	TOEIC 500	Công nghệ dệt, may	
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí											
41	Nguyễn Vinh	Đạt	2052946	04/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3.30	Giỏi	IELTS 5.0	Kỹ thuật dầu khí	
42	Lê Minh	Hoàng	1913426	17/12/1999	Thừa Thiên -Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	7.29	Khá	TOEIC 595	Kỹ thuật địa chất	
43	Đoàn Duy	Khanh	1952766	16/08/2001	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	6.92	TB-Khá	IELTS 5.0	Kỹ thuật dầu khí	
44	Đặng Gia	Long	1812852	09/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.80	TB-Khá	TOEIC 675	Kỹ thuật địa chất	
45	Nguyễn Tuấn	Phát	1911830	21/09/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.42	TB-Khá	TOEIC 575	Kỹ thuật dầu khí	
46	Lê Phú	Quốc	1813732	04/02/1999	Đồng Nai	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.83	TB-Khá	TOEIC 530	Kỹ thuật dầu khí	
47	Nguyễn Hoàng	Thắng	2053446	28/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.90	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật dầu khí	
Khoa Điện - Điện tử											
48	Nguyễn Hoàng	Anh	1951026	01/03/2001	Nghệ An	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.23	TB-Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật điện	
49	Trần Vũ Quốc	Báo	1810835	13/03/2000	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	6.61	TB-Khá	TOEIC 515	Kỹ thuật điện	
50	Nguyễn Bảo	Châu	2148005	07/08/2002	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	2.40	Trung bình	TOEIC 685	Kỹ thuật điện	
51	Trương Hữu	Đạt	1913082	11/03/2001	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	6.68	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật điện	
52	Phạm Việt	Đức	1913170	21/05/2001	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Nông	7.16	Khá	TOEIC 560	Kỹ thuật điện	
53	Hồ Trường	Giang	1711105	08/04/1999	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.77	TB-Khá	TOEIC 625	Kỹ thuật điện	
54	Trần Đức	Hào	1734011	09/10/1991	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6.12	TB-Khá	TOEIC 740	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
55	Trần Phan Trung	Hiếu	1913366	05/07/2001	Kon Tum	Tỉnh Kon Tum	7.16	Khá	TOEIC 575	Kỹ thuật điện	
56	Đào Việt	Hoàng	1812253	27/09/2000	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	7.21	Khá	TOEIC 680	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
57	Bùi Long Quốc	Huy	1812337	23/09/2000	Bình Định	Tỉnh Bình Định	7.94	Khá	TOEIC 595	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
58	Nguyễn Tấn	Hung	1913642	08/09/2001	Đồng Tháp	Tỉnh Vĩnh Long	6.90	TB-Khá	TOEIC 605	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
59	Dương Thiệu	Khang	1812530	18/02/2000	Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	5.93	Trung bình	TOEIC 645	Kỹ thuật điện	
60	Trịnh Văn	Nam	1914256	25/11/2001	Thanh Hóa	Tỉnh Đồng Nai	6.58	TB-Khá	TOEIC 580	Kỹ thuật điện	
61	Đặng Minh	Nguyên	1512195	24/04/1997	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6.33	TB-Khá	TOEIC 660	Kỹ thuật điện	
62	Nguyễn Trọng	Nhân	2148030	23/10/2003	Tp.Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	2.90	Khá	TOEIC 660+220	Kỹ thuật điện	
63	Trương Thị Yến	Nhi	2148032	26/01/2002	Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	2.70	Khá	TOEIC 645+215	Kỹ thuật điện	
64	Dương Thanh	Nhiên	1935028	23/07/1995	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	6.18	TB-Khá	Tương đương TOEIC 400	Kỹ thuật điện	
65	Đặng Thị Thảo	Như	2148033	09/04/2003	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	2.40	Trung bình	TOEIC 630	Kỹ thuật điện	
66	Nguyễn Nhứt	Quân	1733557	17/04/1994	An Giang	Tỉnh An Giang	6.30	TB-Khá	TOEIC 475	Kỹ thuật điện	
67	Trần Hữu	Quyết	2247578	17/05/2000	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	3.00	Khá	TOEIC 640	Kỹ thuật điện	
68	Châu Quang	Sang	1914909	20/04/2001	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	6.47	TB-Khá	TOEIC 605	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
69	Phạm Văn	Siêu	1813827	23/05/2000	Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	6.45	TB-Khá	TOEIC 535	Kỹ thuật điện	
70	Nguyễn Quế	Thanh	1933609	27/01/1982	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.27	Khá	TOEIC 475	Kỹ thuật điện	
71	Nguyễn Tiến	Thành	2148048	19/06/2003	Thành Phố Cần Thơ	Tỉnh Hậu Giang	2.10	Trung bình	TOEIC 665	Kỹ thuật điện	
72	Nguyễn Đình	Thắng	1713234	01/10/1999	Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	6.33	TB-Khá	TOEIC 425	Kỹ thuật điện	
73	Trần Tiến	Thịnh	2148052	13/10/2003	Thành Phố Cần Thơ	Thành Phố Cần Thơ	3.20	Giỏi	TOEIC 765	Kỹ thuật điện	
74	Trần Cao Hùng	Thuận	1811255	27/03/2000	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.07	Khá	TOEIC 640	Kỹ thuật điện	

Stt	Họ và tên		Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
75	Hà Phương	Thy	2148059	04/07/2003	An Giang	Tỉnh An Giang	2.80	Khá	TOEIC 740	Kỹ thuật điện	
76	Lê Lệnh	Toàn	1933645	09/12/1995	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.12	Khá	Tương đương TOEIC 595	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
77	Lê Ngọc Hoàng	Triều	1814435	17/09/2000	Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	6.37	TB-Khá	TOEIC 550	Kỹ thuật điện	
78	Phạm Khắc	Tuyến	2148065	01/12/2003	Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	2.90	Khá	TOEIC 615+215	Kỹ thuật điện	
79	Thành Tuấn	Vương	1916008	26/02/2001	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	6.75	TB-Khá	TOEIC 570	Kỹ thuật điện	
80	Dương Ngọc Hoàng	Yến	2148069	30/09/2003	Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	2.90	Khá	TOEIC 650+225	Kỹ thuật điện	
Khoa Khoa học và Kỹ thuật máy tính											
81	Phạm Khánh	Huy	2053048	20/09/2002	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.08	Khá	TOEIC 605	Khoa học Máy tính	
82	Nguyễn Minh	Thám	1613166	22/07/1997	Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	8.17	Giỏi	TOEIC 580	Khoa học máy tính	
83	Trần Đại	Thành	1632066	25/11/1986	Khánh Hoà	Tỉnh Khánh Hoà	6.91	TB-Khá	TOEIC 550	Khoa học máy tính	
84	Ngô Đình	Thanh	1814067	11/07/2000	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Nông	7.25	Khá	TOEIC 680	Khoa học Máy tính	
85	Đặng Hoàng Minh	Trí	1513648	12/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Tỉnh Long An	6.63	TB-Khá	TOEIC 545	Kỹ thuật Máy tính	
86	Đặng Hữu	Việt	1915901	03/07/2001	Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	6.73	TB-Khá	TOEIC 805	Kỹ thuật Máy tính	
Khoa Kỹ thuật Hóa học											
87	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	1914113	23/04/2000	Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6.88	TB-Khá	TOEIC 600	Công nghệ sinh học	
88	Nguyễn Hoàng	Minh	2053225	11/10/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.60	Khá	IELTS 5.0	Kỹ thuật hóa học	
89	Huỳnh Tấn	Trạng	1513589	28/03/1997	Khánh Hoà	Tỉnh Khánh Hoà	6.49	TB-Khá	TOEIC 570	Kỹ thuật hóa học	
90	Trần Điều Như	Trâm	1533705	18/03/1988	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7.28	Khá	TOEIC 580	Kỹ thuật hóa học	
Khoa Quản lý Công nghiệp											
91	Dương Văn	Lâm	2053177	13/03/2002	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.54	Khá	IELTS 6.0	Quản lý công nghiệp	
Khoa Kỹ thuật Xây dựng											
92	Đoàn Thiên	Án	1510115	15/03/1997	Long An	Tỉnh Bình Dương	6.62	TB-Khá	TOEIC 465	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	
93	Nguyễn Tấn	Chinh	2233158	31/10/1994	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	3.60	Xuất sắc	TOEIC 695	Kỹ thuật Xây dựng	
94	Đoàn Nguyên	Cường	1510354	11/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.30	TB-Khá	TOEIC 460	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
95	Võ Lâm Huy	Cường	1811657	28/10/2000	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7.25	Khá	TOEIC 545	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	
96	Võ Văn	Đan	1913001	10/05/2001	An Giang	Tỉnh An Giang	7.33	Khá	TOEIC 580	Kỹ thuật xây dựng	
97	Trần Minh	Đại	1952644	09/11/2001	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6.78	TB-Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật xây dựng	
98	Nguyễn Lê Thiên	Đạt	1710958	26/05/1999	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	7.13	Khá	TOEIC 470	Kiến trúc	
99	Trịnh Xuân	Đức	1811988	23/01/2000	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	6.67	TB-Khá	TOEIC 515	Kỹ thuật xây dựng	
100	Nguyễn Việt	Hào	1913225	09/04/2001	An Giang	Tỉnh An Giang	6.89	TB-Khá	TOEIC 570	Kỹ thuật xây dựng	
101	Nguyễn Trung	Hậu	1933467	18/06/1998	Long An	Tỉnh Long An	7.62	Khá	TOEIC 420	Kỹ thuật xây dựng	
102	Lê Thanh	Hiếu	1913333	13/02/2001	Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6.87	TB-Khá	TOEIC 610	Kỹ thuật xây dựng	
103	Nguyễn Ngọc	Hiếu	2233026	03/03/1992	Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	3.40	Giỏi	TOEIC 630	Kỹ thuật xây dựng	
104	Trần Công	Hiếu	1812197	08/09/2000	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	7.31	Khá	TOEIC 505	Kỹ thuật xây dựng	
105	Trần Nguyễn	Huy	1913564	22/10/2001	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6.48	TB-Khá	TOEIC 515	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	
106	Hoàng Nguyên	Hùng	2053062	13/05/2002	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	2.50	Khá	IELTS 5.0	Kỹ thuật Xây dựng	
107	Nguyễn Phước	Hưng	1812497	02/01/2000	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.23	TB-Khá	TOEIC 465	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	
108	Vương Quang	Hữu	1711664	24/06/1999	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6.39	TB-Khá	TOEIC 400	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
109	Trần Văn	Khanh	1812578	22/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.31	TB-Khá	TOEIC 735	Kỹ thuật xây dựng	
110	Lê Quang	Linh	1913943	24/10/2001	Cà Mau	Tỉnh Long An	7.55	Khá	TOEIC 635	Kỹ thuật xây dựng	
111	Hoàng	Long	1511802	09/11/1997	Long An	Tỉnh Ninh Bình	6.13	TB-Khá	TOEIC 500	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
112	Phạm Gia	Lộc	1914029	02/02/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.80	TB-Khá	TOEIC 535	Kỹ thuật xây dựng	

Stt	Họ và tên	Mã số SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Hộ khẩu	Điểm trung bình tích lũy ngành	Xếp loại	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
113	Nguyễn Phát	1813482	04/12/2000	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	7.55	Khá	TOEIC 565	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	
114	Huỳnh Thiên Quý	1712840	15/10/1999	Tiền Giang	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.75	TB-Khá	TOEIC 425	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	
115	Nguyễn Phước Quý	1813726	01/03/2000	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	6.52	TB-Khá	TOEIC 505	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	
116	Lâm Phước Sang	1914912	09/05/2001	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	6.55	TB-Khá	TOEIC 555	Kỹ thuật xây dựng	
117	Phan Duy Tân	1713076	18/09/1999	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6.88	TB-Khá	TOEIC 520	Kiến trúc	
118	Nguyễn Minh Thành	2053434	12/11/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.70	Khá	IELTS 5.0	Kỹ thuật Xây dựng	
119	Nguyễn Tấn Thành	2035058	08/01/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	6.59	TB-Khá	TOEIC 480	Kỹ thuật xây dựng	
120	Nguyễn Hữu Thắng	1915234	25/10/2001	Bình Định	Tỉnh Bình Định	6.51	TB-Khá	TOEIC 565	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	
121	Hồ Trọng Thề	1814114	22/09/2000	Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	6.82	TB-Khá	TOEIC 580	Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	
122	Trương Anh Tinh	1912214	26/09/2001	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	6.72	TB-Khá	TOEIC 575	Kỹ thuật xây dựng	
123	Nguyễn Đức Trung	1915688	07/02/2001	Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	8.05	Giỏi	TOEIC 560	Kỹ thuật xây dựng	
124	Nguyễn Pháo Trường	1752584	04/10/1999	Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	7.19	Khá	TOEIC 545	Kỹ thuật xây dựng	
125	Phan Anh Tuấn	1713798	01/06/1999	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	6.56	TB-Khá	TOEIC 425	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	
126	Phan Hà Tuyên	2033120	28/11/1988	Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	6.96	TB-Khá	TOEIC 450	Kỹ thuật xây dựng	
Khoa Môi trường và Tài nguyên										
127	Lê Tấn Đạt	1913034	26/08/2001	Long An	Tỉnh Long An	6.72	TB-Khá	TOEIC 560	Kỹ thuật môi trường	
128	Nguyễn Ngọc Minh	2053227	12/05/2002	Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	2.80	Khá	IELTS 5.0	Kỹ thuật môi trường	
129	Nguyễn Hồng Uyên Nhi	2053303	15/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.82	TB-Khá	IELTS 5.5	Quản lý tài nguyên và môi trường	
130	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	1712909	12/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.42	TB-Khá	TOEIC 495	Kỹ thuật môi trường	
131	Huỳnh Ngọc Thư	1513379	07/06/1997	Long An	Tỉnh Long An	6.51	TB-Khá	TOEIC 425	Quản lý tài nguyên và môi trường	
132	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2053549	30/08/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.60	Khá	IELTS 5.0	Kỹ thuật môi trường	
Khoa Kỹ thuật Giao thông										
133	Nguyễn Thanh Công	1952597	04/05/2001	Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	7.47	Khá	IELTS 5.5	Kỹ thuật ô tô	
134	Trần Lê Đình Dũng	1510576	26/10/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	7.02	Khá	TOEIC 605	Kỹ thuật tàu thủy	
135	Huỳnh Lê Dương	1510590	20/07/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	6.73	TB-Khá	TOEIC 515	Kỹ thuật tàu thủy	
136	Nguyễn Xuân Dương	2247515	05/04/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	T.Bà Rịa Vũng Tàu	3.00	Khá	TOEIC 640	Kỹ thuật ô tô	
137	Dương Tuấn Đạt	2247520	30/08/2000	Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	3.20	Giỏi	TOEIC 600	Kỹ thuật ô tô	
138	Trần Trọng Nghĩa	2047540	25/09/1999	Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	7.27	Khá	Tương đương TOEIC 500	Kỹ thuật ô tô	
139	Huỳnh Hoàng Phúc	2247794	14/08/2001	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	2.80	Khá	TOEIC 675	Kỹ thuật ô tô	
140	Bùi Thanh Tân	2047553	15/12/1999	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.29	Khá	Tương đương TOEIC 500	Kỹ thuật ô tô	
141	Ngô Trần Minh Tân	2247585	31/12/2000	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	3.20	Giỏi	TOEIC 645	Kỹ thuật ô tô	
142	Dương Văn Thông	2247642	24/12/1999	Tp.Hồ Chí Minh	Thành Phố Hồ Chí Minh	3.20	Giỏi	TOEIC 640	Kỹ thuật ô tô	
Khoa Công nghệ Vật liệu										
143	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	1812014	15/12/2000	An Giang	Tỉnh An Giang	6.45	TB-Khá	TOEIC 470	Kỹ thuật vật liệu	
144	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1611371	24/08/1997	Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Nông	6.47	TB-Khá	TOEIC 470	Kỹ thuật vật liệu	
145	Trần Thị Hồng Ngọc	1712362	01/01/1999	Long An	Tỉnh Long An	7.14	Khá	TOEIC 570	Kỹ thuật vật liệu	
146	Nguyễn Trí Thịnh	1814179	02/10/2000	Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	6.62	TB-Khá	TOEIC 555+210	Kỹ thuật vật liệu	
147	Nguyễn Ngọc Tường Vi	1915896	16/02/2001	Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	6.58	TB-Khá	TOEIC 575	Kỹ thuật vật liệu	

Tổng cộng: 147 Sinh viên